

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
đã được soát xét
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 32

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần City Auto (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty và công ty con (“Tập đoàn”) cho 6 tháng đầu năm 2021 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Công ty Cổ Phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 13 ngày 04/3/2021 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề của Công ty:

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết : bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.
- Các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính là:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Ngọc Dân	Chủ tịch	
Ông Trần Lâm	Thành viên	
Ông Nguyễn Đăng Hoàng	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	Thành viên	(bỏ nhiệm từ 26/6/2021)
Ông Phan Hoàng Sơn	Thành viên	(bỏ nhiệm từ 26/6/2021)
Ông Lê Minh Tâm	Thành viên	(miễn nhiệm từ 15/3/2021)
Ông Trần Trung Chánh	Thành viên	(miễn nhiệm từ 26/6/2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Trung Chánh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thương Thương	Trưởng ban	
Ông Lê Danh Thủ	Thành viên	(bỏ nhiệm từ 26/6/2021)
Bà Lê Thị Ngọc Huyền	Thành viên	(bỏ nhiệm từ 26/6/2021)
Bà Phạm Thị Mỹ Dung	Thành viên	(miễn nhiệm từ 26/6/2021)
Bà Nguyễn Thị Tâm	Thành viên	(miễn nhiệm từ 26/6/2021)

Các sự kiện sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty đang thực hiện các thủ tục phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 nhằm tăng vốn điều lệ, theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 32/2021/NQ-ĐHĐCĐ-CTF ngày 26/6/2021. Theo đó, tỷ lệ trả cổ tức năm 2019 tạm tính là 6% vốn điều lệ, tương ứng là 40.980.000.000 đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2021 cho Tập đoàn.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán tại Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt của Hội đồng quản trị

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Các báo cáo hợp nhất này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất và hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2021.

Thay mặt Hội đồng quản trị



TRẦN NGỌC DÂN
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày 05 tháng 8 năm 2021

Số: 230.2/2021/DFK - BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần City Auto

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần City Auto ("Công ty") và công ty con ("Tập đoàn") được lập ngày 05 tháng 8 năm 2021, từ trang 4 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần City Auto chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên:

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30/6/2021, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2021

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam



NGUYỄN LƯƠNG NHÂN

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0182-2018-042-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2021

MẪU B01a - DN/HN

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		1.298.732.145.309	968.201.415.794
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	27.862.276.939	39.582.976.464
1. Tiền	111		27.862.276.939	39.582.976.464
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		774.917.570.991	621.106.831.585
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	223.964.293.450	268.031.858.871
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	178.373.056.711	19.027.442.215
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	372.440.207.347	333.878.494.338
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	140.013.483	169.036.161
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.06	475.259.234.149	299.345.762.083
1. Hàng tồn kho	141		475.259.234.149	299.345.762.083
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		20.693.063.230	8.165.845.662
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	4.197.083.588	5.052.529.927
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.15	16.217.431.630	2.576.723.379
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	278.548.012	536.592.356
B. Tài sản dài hạn	200		572.114.075.157	610.495.541.311
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		258.704.243.556	291.649.243.073
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	258.704.243.556	291.649.243.073
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		164.714.610.230	160.852.236.603
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	80.070.534.270	76.109.566.797
- Nguyên giá	222		124.538.151.775	114.048.278.782
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.467.617.505)	(37.938.711.985)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	84.644.075.960	84.742.669.806
- Nguyên giá	228		85.521.269.623	85.521.269.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(877.193.663)	(778.599.817)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		1.088.591.909	1.331.760.636
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	1.088.591.909	1.331.760.636
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.12	65.867.897.635	68.735.935.807
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		17.867.897.635	20.735.935.807
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		48.000.000.000	48.000.000.000
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		81.738.731.827	87.926.365.192
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	5.040.463.561	6.369.886.508
2. Lợi thế thương mại	269	V.08	76.698.268.266	81.556.478.684
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.870.846.220.466	1.578.696.957.105

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2021

MẪU B01a - DN/HN

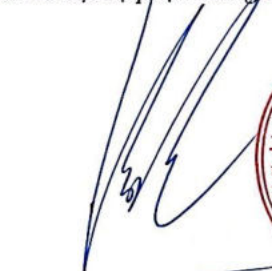
Đơn vị tính: đồng

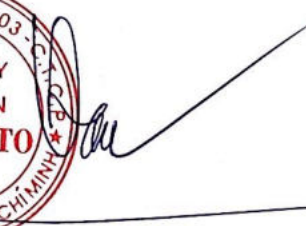
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300		1.094.437.508.966	1.046.363.750.151
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		1.004.437.142.331	869.322.988.516
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	188.059.165.775	140.015.577.538
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	46.952.188.771	22.710.369.408
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	2.796.232.577	3.962.088.434
4. Phải trả người lao động	314		9.112.992.917	12.886.369.259
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	2.581.396.009	2.136.312.143
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	33.338.184.855	37.760.223.019
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	718.256.184.850	646.513.335.127
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	3.340.796.577	3.338.713.588
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		90.000.366.635	177.040.761.635
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	-	100.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	90.000.366.635	77.040.761.635
D. Vốn chủ sở hữu	400		776.408.711.500	532.333.206.954
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410		776.408.711.500	532.333.206.954
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	683.000.000.000	455.399.680.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		683.000.000.000	455.399.680.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	4.367.682.760	4.367.682.760
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.20	1.215.200.961	1.215.200.961
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	60.059.881.657	44.543.995.817
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		44.395.270.668	43.216.641.493
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.664.610.989	1.327.354.324
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	V.21	27.765.946.122	26.806.647.416
<i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.870.846.220.466	1.578.696.957.105

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Trương Thị Hồng Vân
Người lập biểu
Ngày 05 tháng 8 năm 2021


Lê Thị Phú
Kế toán trưởng


Trần Ngọc Dân
Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2021

MẪU B02a - DN/HN

Đơn vị tính: đồng

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		2.522.388.121.673	2.151.469.518.853
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		24.998.006.668	40.703.839.928
3.	Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	10	VI.01	2.497.390.115.005	2.110.765.678.925
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	2.328.998.826.087	1.993.743.408.055
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		168.391.288.918	117.022.270.870
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	12.659.240.307	49.227.427.479
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	22.457.058.676	25.280.227.627
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.457.058.676	25.280.227.627
8.	Phần lãi/ (lỗ) trong công ty liên kết	24		(2.868.038.172)	(2.541.429.553)
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.05	91.794.593.673	81.287.706.848
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	50.011.183.471	49.741.346.799
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.919.655.233	7.398.987.522
12.	Thu nhập khác	31	VI.07	9.050.771.728	1.977.598.262
13.	Chi phí khác	32	VI.08	3.333.654.079	1.336.624.627
14.	Lợi nhuận khác	40		5.717.117.649	640.973.635
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.636.772.882	8.039.961.157
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	3.209.687.503	7.256.767.187
17.	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.427.085.379	783.193.970
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		15.664.610.989	1.306.788.592
20.	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		762.474.390	(523.594.622)
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	245	29
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	245	29

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất

Trương Thị Hồng Vân

Người lập biểu

Ngày 05 tháng 8 năm 2021

Lê Thị Phú

Kế toán trưởng



Trần Ngọc Dân

Người đại diện theo pháp luật

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp gián tiếp)

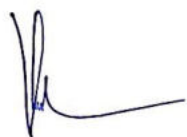
6 tháng đầu năm 2021

MẪU B03a - DN/HN

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	19.636.772.882	8.039.961.157
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	8.450.251.208	6.835.024.910
Các khoản dự phòng	03	-	(825.814.245)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.175.675.230)	(49.621.797.276)
Chi phí lãi vay	06	22.457.058.676	25.280.227.627
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	40.368.407.536	(10.292.397.827)
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(121.866.340.248)	26.845.951.710
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(175.913.472.066)	113.535.742.624
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(37.691.298.736)	113.151.935.012
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	7.043.079.704	3.006.472.236
Tiền lãi vay đã trả	14	(22.346.017.952)	(25.280.227.627)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.063.384.072)	(8.233.474.855)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(146.642.160)	(290.940.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(312.615.667.994)	212.443.061.273
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(16.608.043.200)	(14.926.492.841)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5.179.090.908	7.277.335.086
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(16.500.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.146.038	26.562.596
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.407.806.254)	(24.122.595.159)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	227.600.320.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	1.825.518.544.924	1.517.472.699.205
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.740.816.090.201)	(1.698.920.172.488)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	312.302.774.723	(181.447.473.283)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(11.720.699.525)	6.872.992.831
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	39.582.976.464	29.693.630.393
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	27.862.276.939	36.566.623.224

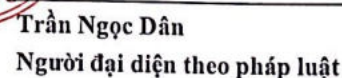
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất



Trương Thị Hồng Vân
Người lập biểu
Ngày 05 tháng 8 năm 2021



Lê Thị Phú
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Dân
Người đại diện theo pháp luật

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 13 ngày 04/3/2021 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là CTF kể từ ngày 30/5/2017 theo Quyết định số 159/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/5/2017.

Trụ sở chính của Công ty tại số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các Chi nhánh và kho hàng hoạt động như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng đặt tại Lô F3, đường K1, Khu công nghiệp Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Bà Rịa đặt tại Quốc lộ 51, phường Phước Trung, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-002;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Vũng Tàu đặt tại số 40A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-004;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 02 đặt tại 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-003;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 03 đặt tại số 124/9D Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0307979603-005;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 04 đặt tại số 12 đường số 9, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0307979603-006.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại – Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết : bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.
- Các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

4. Số lượng nhân viên của Công ty: tại ngày 30/6/2021 là 316 người.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2021, Công ty có 05 công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B09a-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	Lô B1 đường C2, KCN Cát Lái 2, phường Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh	Thương mại – dịch vụ	98,53%	98,53%
Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	51 Lê Hồng Phong, Phường Phước Tân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Thương mại – dịch vụ	73,00%	73,00%
Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	số 682A, Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Thương mại – dịch vụ	96,52%	96,52%
Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	Số 224, Quốc lộ 51, P. Kim Dinh, Tp. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Thương mại – dịch vụ	95,00%	95,00%
Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	216, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Thương mại – dịch vụ	90,00%	90,00%

II. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Công ty áp dụng theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Các căn cứ pháp lý làm cơ sở để hợp nhất báo cáo tài chính

- Chuẩn mực kế toán số 07 – Đầu tư vào Công ty Liên kết
- Chuẩn mực kế toán số 08 – Thông tin về các khoản góp vốn liên doanh
- Chuẩn mực kế toán số 11 – Hợp nhất kinh doanh
- Chuẩn mực kế toán số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và các khoản đầu tư vào công ty con
- Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

III. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần City Auto và các Công ty con ("Tập đoàn") cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B09a-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thật sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng thống nhất các chính sách kế toán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2. Năm tài chính

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**1. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán, công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hóa là các loại xe ô tô, giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B09a-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 06
Phương tiện vận tải	03 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất được ghi nhận ban đầu theo giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

7. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản. Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản...); công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ; tiền thuê đất trả trước; lợi thế kinh doanh...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Riêng tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

9. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ MẪU B09a-DN/HN
*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

11. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng theo tỷ lệ quy định.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

Phân chia lợi nhuận:

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông:

Quỹ đầu tư và phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được công bố bởi Hội đồng quản trị của Công ty.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch, chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

16. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Căn cứ thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	4.994.165.821	7.960.477.542
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	351.017.314	518.207.600
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	173.102.094	6.511.809.727
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	179.153.155	661.926.109
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	1.293.852.758	268.534.106
- Tại Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	2.997.040.500	-
Tiền gửi ngân hàng	22.868.111.118	31.622.498.922
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	6.721.024.255	13.942.513.402
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	2.574.569.194	1.854.776.587
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	286.779.888	2.908.911.342
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	13.281.430.606	12.916.297.591
- Tại Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	4.307.175	-
Cộng	27.862.276.939	39.582.976.464
2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% tổng phải thu khách hàng)	137.386.113.058	264.117.248.394
- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	66.277.390.392	3.914.610.477
- Công ty CP Easy Car	20.300.790.000	-
Cộng	223.964.293.450	268.031.858.871
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	134.748.615.644	-
- Công ty TNHH Minh Long	40.913.936.350	10.720.899.025
- Công ty TNHH Solar Blue Nha Trang	-	3.100.429.376
- Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác	2.710.504.717	5.206.113.814
Cộng	178.373.056.711	19.027.442.215
4. Phải thu khác		
a) Ngắn hạn		
- Phải thu hỗ trợ bán hàng từ nhà cung cấp chính	36.858.334.911	60.049.067.939
- Phải thu khác từ Công ty CP Bất Động Sản Bảo Long	56.645.381.522	56.775.941.522
- Phải thu khác từ Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	66.370.018.489	37.524.892.660
- Phải thu tiền cho mượn đến các cá nhân	74.853.873.820	54.011.500.000
- Phải thu khác từ Công ty TNHH Minh Long	19.672.792.177	17.322.500.000
- Phải thu ngắn hạn tiền góp vốn tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh cho Công ty CP Easy Car	10.977.438.715	10.281.000.000
- Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Trident Auto	6.000.000.000	6.000.000.000
- Các khoản tạm ứng	17.457.568.703	10.447.649.322
- Ký quỹ cho Công ty TNHH Minh Long thực hiện cải tạo nhà xưởng	70.000.000.000	70.000.000.000
- Ký quỹ ngắn hạn khác	607.003.609	277.911.380
- Các khoản phải thu khác	12.997.795.401	11.188.031.515
Cộng	372.440.207.347	333.878.494.338

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

4. Phải thu khác (tiếp theo)

b) Dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng
- Ký quỹ 10 năm thuê văn phòng cho Công ty TNHH Minh Long	60.146.440.000	-	60.146.440.000	-
- Ký quỹ dài hạn thuê văn phòng Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	191.732.000.000	-	225.547.000.000	-
- Ký quỹ dài hạn khác	6.825.803.556	-	5.955.803.073	-
Cộng	258.704.243.556	-	291.649.243.073	-

5. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng
Tại Công ty CP City Auto				
- Hàng tồn kho	140.013.483	-	169.036.161	-
Cộng	140.013.483	-	169.036.161	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công cụ dụng cụ	378.684.935	-	18.715.946	-
- Chi phí sản xuất dở dang	8.005.916.710	-	8.014.379.248	-
- Hàng hóa (6.1)	466.874.632.504	-	291.312.666.889	-
Cộng	475.259.234.149	-	299.345.762.083	-

(6.1) Chi tiết hàng hóa tồn kho:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xe các loại	417.987.791.374	241.948.596.213
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	74.429.084.105	63.758.078.002
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	37.530.209.090	20.517.731.821
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	25.068.840.914	19.074.568.173
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	280.959.657.265	138.598.218.217
Phụ tùng, phụ kiện	48.886.841.130	49.364.070.676
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	16.228.938.938	17.216.031.024
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	22.358.082.810	21.083.693.571
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	6.538.812.079	6.725.677.235
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	3.761.007.303	4.338.668.846
Cộng	466.874.632.504	291.312.666.889

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
7. Chi phí trả trước				
a) Ngắn hạn				
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	969.260.643	999.175.020		
- Vật tư sơn chờ kết chuyển	405.100.501	429.474.970		
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	2.822.722.444	3.623.879.937		
Cộng	4.197.083.588	5.052.529.927		
b) Dài hạn				
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.034.114.112	3.650.844.588		
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	2.006.349.449	2.719.041.920		
Cộng	5.040.463.561	6.369.886.508		
8. Lợi thế thương mại				
Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất	97.164.208.355	97.164.208.355		
Lợi thế thương mại đã phân bổ	(20.465.940.089)	(15.607.729.671)		
Cộng	76.698.268.266	81.556.478.684		
9. Tài sản cố định hữu hình				
Nguyên giá	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nhà cửa, vật kiến trúc	46.578.598.870	3.161.602.727	-	49.740.201.597
Máy móc, thiết bị	26.212.661.118	8.278.565.200	-	34.491.226.318
Phương tiện vận tải	36.001.528.632	5.294.210.000	6.361.338.934	34.934.399.698
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5.255.490.162	116.834.000	-	5.372.324.162
Cộng	114.048.278.782	16.851.211.927	6.361.338.934	124.538.151.775
Khấu hao lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	10.765.975.866	1.878.416.348	-	12.644.392.214
Máy móc, thiết bị	15.613.474.110	2.606.283.850	-	18.219.757.960
Phương tiện vận tải	10.209.178.623	3.615.631.071	1.822.751.842	12.002.057.852
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.350.083.386	251.326.093	-	1.601.409.479
Cộng	37.938.711.985	8.351.657.362	1.822.751.842	44.467.617.505
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	35.812.623.004			37.095.809.383
Máy móc, thiết bị	10.599.187.008			16.271.468.358
Phương tiện vận tải	25.792.350.009			22.932.341.846
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.905.406.776			3.770.914.683
Cộng	76.109.566.797			80.070.534.270

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃU B09a - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VND

10. Tài sản cố định vô hình

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623	-	-	84.022.474.623
Phần mềm	1.498.795.000	-	-	1.498.795.000
Cộng	85.521.269.623	-	-	85.521.269.623
Khấu hao lũy kế				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Phần mềm	778.599.817	98.593.846	-	877.193.663
Cộng	778.599.817	98.593.846	-	877.193.663
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623			84.022.474.623
Phần mềm	720.195.183			621.601.337
Cộng	84.742.669.806			84.644.075.960

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết, vẫn còn sử dụng là 284.850.000 đồng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Mua sắm tài sản cố định	261.687.273	546.500.000
- Chi phí xây dựng showroom - Công ty CP Auto Bình Phước	826.904.636	785.260.636
Cộng	1.088.591.909	1.331.760.636

12. Các khoản đầu tư tài chính

ĐVT: ngàn đồng

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Công ty liên kết	25.500.000	17.867.898	-	25.500.000	20.735.936	-
- Đầu tư khác	48.000.000	48.000.000	-	48.000.000	48.000.000	-
Cộng	73.500.000	65.867.898	-	73.500.000	68.735.936	-

Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp theo cam kết	Giá gốc tại ngày 30/6/2021	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư	Giá trị khoản đầu tư theo PP vốn chủ sở hữu
- Công ty CP Truck & Bus Trường Chinh	42,50%	25.500.000.000	(7.632.102.365)	17.867.897.635
Cộng				17.867.897.635

Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Truck & Bus Trường Chinh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315546603 ngày 07/3/2019 với vốn điều lệ 60.000.000.000 đồng. Đến ngày 30/6/2021, Công ty CP Auto Trường Chinh đã góp 25.500.000.000 đồng, chiếm 42,5% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

Đầu tư dài hạn khác

Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp theo GCN ĐKKD	Giá trị vốn góp theo đăng ký	Giá trị vốn góp đến ngày 30/6/2021
- Công ty CP New City Rent A Car	16,00%	40.000.000.000	40.000.000.000
- Công ty Cổ phần Easy Car	10,25%	8.000.000.000	8.000.000.000
Cộng			48.000.000.000

Đầu tư mua 1.600.000 cổ phần của Công ty CP New City Rent A Car với giá trị chuyển nhượng là 40 tỷ đồng, sở hữu 16% vốn điều lệ, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315125524 ngày 10/11/2020 với vốn điều lệ 100 tỷ đồng. Đến ngày 30/6/2021, Tập đoàn đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng.

Đầu tư nhận chuyển nhượng 800.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Easy Car với giá trị chuyển nhượng là 8 tỷ đồng, chiếm 10,25% vốn điều lệ, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315963325 ngày 14/11/2019 với vốn điều lệ là 78 tỷ đồng. Đến ngày 30/6/2021, Tập đoàn đã nhận cổ phần chuyển nhượng.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Ford Việt Nam	10.388.241.539	10.388.241.539	8.936.036.570	8.936.036.570
- Công Ty CP Liên Doanh Ô Tô Hyundai Thành Công Việt Nam	91.350.502.993	91.350.502.993	-	-
- Công ty CP Trident Auto	26.622.752.000	26.622.752.000	56.533.770.000	56.533.770.000
- Cty CP Easy Car	21.936.364.864	21.936.364.864	-	-
- Công ty CP TĐ Tân Thành Đô	15.016.947.777	15.016.947.777	28.245.442.975	28.245.442.975
- Công ty TNHH Minh Long	7.809.734.801	7.809.734.801	9.371.207.001	9.371.207.001
- Cty CP Hyundai Thành Công VN	-	-	16.794.756.519	16.794.756.519
- Cty CP Truck&Bus Trường Chinh	-	-	4.276.864.000	4.276.864.000
- Các đối tượng khác	14.934.621.801	14.934.621.801	15.857.500.473	15.857.500.473
Cộng	188.059.165.775	188.059.165.775	140.015.577.538	140.015.577.538

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% tổng phải thu khách hàng)	46.952.188.771	22.710.369.408
Cộng	46.952.188.771	22.710.369.408

15. Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Phải nộp		
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	174.468.792	1.873.415.371
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.440.204.861	1.621.245.279
- Thuế thu nhập cá nhân	181.558.924	467.427.784
Cộng	2.796.232.577	3.962.088.434
b) Phải thu		
- Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ	16.217.431.630	2.576.723.379
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (nộp dư)	209.248.507	536.592.356
- Thuế thu nhập cá nhân (nộp dư)	69.299.505	-
Cộng	16.495.979.642	3.113.315.735

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃU B09a - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VND

16. Chi phí phải trả ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước chi phí đào tạo trả cho Công ty Ford Việt Nam	501.074.041	821.777.990
- Trích trước chi phí lãi vay	322.101.471	211.060.747
- Chi phí phải trả khác	1.758.220.497	1.103.473.406
Cộng	2.581.396.009	2.136.312.143

17. Các khoản phải trả khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	2.626.367.567	1.460.670.379
- Tài sản thừa chờ xử lý ở Công ty CP City Auto	449.682.532	449.682.532
- Chi hộ Công ty Ford Việt Nam cho nhân viên bán hàng	1.706.240.054	1.931.240.054
- Phải trả Công ty TNHH Ô tô VW Nha Trang	1.120.000.000	1.120.000.000
- Phải trả Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến (Bên liên quan)	1.807.655.887	2.243.367.810
- Phải trả Ông Trần Ngọc Dân (Bên liên quan)	109.339.623	358.919.623
- Phải trả Công ty CP DAF GROUP tiền chuyển nhượng cổ phần	5.000.000.000	5.000.000.000
- Phải trả bà Trần Thị Tâm tiền chuyển nhượng cổ phần	5.660.000.000	6.100.000.000
- Phải trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát của Tập đoàn	444.077.783	140.911.783
- Các khoản phải trả khác	14.414.821.409	18.955.430.838
Cộng	33.338.184.855	37.760.223.019
b) Dài hạn		
- Phải trả Ông Bùi Đức Thọ	-	100.000.000.000
Cộng	-	100.000.000.000

18. Vay và nợ thuê tài chính	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
a. Ngắn hạn	646.513.335.127	1.807.399.694.924	1.731.059.885.091	718.256.184.850
- NH Ngoại thương (18.1)	113.631.806.957	430.478.020.650	360.388.966.657	183.720.860.950
- NH Bảo Việt (18.2)	76.339.704.000	228.899.440.000	199.151.511.941	106.087.632.059
- NH Quân đội (18.3)	12.791.552.604	87.922.686.875	60.200.906.483	40.513.332.996
- NH Công Thương (18.4)	47.186.699.126	139.907.174.000	175.793.948.180	11.299.924.946
- NH An Bình (18.5)	46.883.853.478	24.936.465.300	49.405.853.478	22.414.465.300
- NH Xuất nhập khẩu (18.6)	349.722.293	44.328.128.000	35.004.418.823	9.673.431.470
- NH VN Thịnh Vượng (18.7)	85.511.650.077	284.194.811.874	284.856.010.231	84.850.451.720
- NH Đầu tư và Phát triển (18.8)	203.649.686.217	473.082.525.825	440.935.173.498	235.797.038.544
- NH Quốc tế (18.9)	43.754.661.900	92.096.142.400	120.424.795.800	15.426.008.500
- NH Tiên Phong (18.10)	4.898.300.000	1.554.300.000	4.898.300.000	1.554.300.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	11.515.698.475			6.918.738.365
b. Dài hạn	77.040.761.635	18.118.850.000	9.756.205.110	90.000.366.635
- NH Ngoại thương (18.1)	88.087.500.000	17.359.400.000	8.856.420.000	96.590.480.000
- NH Quân đội (18.3)	291.454.110	759.450.000	722.279.110	328.625.000
- NH An Bình (18.5)	177.506.000	-	177.506.000	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả	(11.515.698.475)			(6.918.738.365)
Cộng	723.554.096.762	1.825.518.544.924	1.740.816.090.201	808.256.551.485

Cho đến ngày 30/6/2021, Công ty không có khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

(18.1) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng như sau:

(18.1.1) Hợp đồng tín dụng số 0378/TD4/20LD ngày 4/8/2020 với hạn mức vay là 250 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 31/7/2021, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 04 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 431 Nguyễn Xi, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh được quy định cụ thể tại các hợp đồng thế chấp kèm theo. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2021 là 85.635.760.000 đồng.

(18.1.2) Hợp đồng tín dụng số 016K20/KHBB ngày 12/06/2020 với hạn mức vay là 120 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 04 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe Hyundai hình thành từ vốn vay. Khoản vay này do Công ty CP Auto Bình Phước vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2021 là 32.503.951.350 đồng.

(18.1.3) Hợp đồng tín dụng số 2020/ONT ngày 28/5/2020 với hạn mức tín dụng là 80 tỷ đồng. Mục đích vay: Tài trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn, hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Thời hạn cho vay không quá 03 tháng. Lãi suất vay chi tiết theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: hợp đồng thế chấp hàng hóa số 2018/ONTS ngày 01/02/2018 và hợp đồng thế chấp hàng hóa số 2020/ONT/TS ngày 29/3/2019. Khoản vay này do Công ty CP ô tô Nha Trang vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2021 là 35.776.676.800 đồng.

(18.1.4) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0196/KHDN/21/HMCV ngày 28/4/2021 với hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại khoản vay dài hạn. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2021 của khoản vay này là 29.804.472.800 đồng.

(18.1.5) Khoản vay dài hạn do Công ty CP ô tô Nha Trang vay tại chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng sau:

- Số 0419/CVTL-ONT/PTVT ngày 19/4/2019 với số tiền vay là 1.100.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô Ford Ecosport BKS 79A-234.13 và Raptor 79A-233.57. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay, quy định tại hợp đồng thế chấp số 0419/TC-ONT/PTVT ngày 19/4/2019.

- Số 2019/CVTL-ONT/03 ngày 23/9/2019 với số tiền vay là 1.370.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô Ford Explorer BKS 79A-260.49. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay, được quy định tại hợp đồng thế chấp số 2019/TC-ONT/03 ngày 23/9/2019.

- Số 2019/CVTL-ONT/04 ngày 19/12/2019 và phụ lục số 01/2019/CVTL-ONT/04 ngày 19/12/2019 với số tiền vay là 630.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay: mua xe ô tô Ford Toumeo BKS 79A-277.01. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay, được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp số 2019/PTVT-OTONT ngày 19/12/2019.

- Số 2020/ONT/CVTL/02 ngày 07/10/2020 với số tiền vay là 2.450.000.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích vay: thanh toán chi phí đầu tư hệ thống điện năng lượng Mặt trời 250kW theo hợp đồng kinh tế số 02/2020/HĐ/SOLAR ngày 31/8/2020. Tài sản đảm bảo là tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay.

- Số 2021/ONT/CVTL/01 ngày 26/01/2021 với số tiền vay là 1.220.000.000 đồng. Thời hạn vay: 36 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô Ford Ecosport BKS 79A-318.90 và Ford Everest BKS 79A-328.38. Tài sản đảm bảo là tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay.

Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2021 là 4.887.080.000 đồng.

(18.1.6) Khoản vay dài hạn do Công ty CP Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0269/KHDN/20 ngày 08/11/2020, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0269/KHDN/20-SD1 ngày 03/11/2020 và Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0270/KHDN/20/TLDH ngày 03/11/2020, số tiền vay là 50 tỷ đồng, thời hạn vay: 84 tháng. Mục đích vay: để thanh toán chi phí trả trước dài hạn là tiền thuê mặt bằng kinh doanh (showroom). Lãi suất vay theo lãi suất thỏa thuận tại thời điểm nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- + 1.446.405 cổ phiếu CTF của Công ty CP City Auto ("CTF") thuộc sở hữu của bà Đồng Thị Thanh Thắm.
- + 290.650 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đăng Hoàng và bà Nguyễn Thị Tố Trinh.
- + 500.000 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Trần Lâm và bà Võ Thị Thanh Hiền.
- + 2.756.911 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Ngô Công Minh và bà Phạm Thị Ái Hạnh.
- + Các hợp đồng tiền gửi.
- + Xe ô tô nhãn hiệu Hyundai mới 100%.

Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2021 của khoản vay này là 46.420.000.000 đồng.

(18.1.7) Khoản vay dài hạn do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0337/KHDN/20/CVTL ngày 10/12/2020, hạn mức vay: 36.177.000.000 đồng, thời hạn vay: 96 tháng. Mục đích vay: để thanh toán chi phí trả trước dài hạn là tiền thuê mặt bằng kinh doanh (showroom). Lãi suất vay theo lãi suất thỏa thuận tại thời điểm nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- + 1.453.000 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Nguyễn Quang Khải.
- + 1.147.000 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Trần Quang Trí và bà Đinh Đào Giao Thoại Khanh.

Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2021 của khoản vay này là 46.393.400.000 đồng.

(18.2) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Tp.HCM theo các hợp đồng sau:

(18.2.1) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP City Auto vay theo Hợp đồng tín dụng số 0250-2020-HDTD1-BVB003 ngày 17/8/2020 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục đi kèm; bao gồm các xe ô tô Ford mới 100% thuộc sở hữu của bên vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2021 là 68.887.664.059 đồng.

(18.2.2) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay theo Hợp đồng tín dụng số 0045-2021-HDDTD1-BVB03 ngày 31/3/2021 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục đi kèm; bao gồm các xe ô tô Ford mới 100% thuộc sở hữu của bên vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2021 là 37.199.968.000 đồng.

(18.3) - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân Đội theo các hợp đồng sau:

(18.3.1) Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 72311.20.117.2897485.TD ngày 21/12/2020. Hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh phục vụ kinh doanh xe ô tô Hyundai. Thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2021 là 23.697.756.676 đồng.

(18.3.2) Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 73737.20.117.5943003.TD ngày 21/12/2020. Hạn mức tín dụng là 25 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh phục vụ kinh doanh xe ô tô Hyundai. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 10/12/2021, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Bình Phước (công ty con của Công ty CP Auto Trường Chinh) vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2021 là 16.815.576.320 đồng.

(18.3.3) Vay dài hạn theo Hợp đồng cho vay trung hạn số 3235.21.117.2897485.TD ngày 18/01/2021 với hạn mức cho vay: 10 tỷ đồng. Số tiền vay là 394.350.000 đồng. Mục đích vay: mua xe Hyundai BS 51H-832.79. Thời hạn vay 24 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe ô tô hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản cụ thể. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2021 là 328.625.000 đồng.

(18.4) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương theo các hợp đồng sau:

(18.4.1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0805/2020-HĐCVHM/NHCT924-ATT ngày 06/8/2020. Hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 31/7/2021, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2021 là 1.401.310.000 đồng.

(18.4.2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số LINHND5-002/2020-HĐCVHM/NHCT504-AUTOBP ngày 25/12/2020. Hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 31/12/2021, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Bình Phước vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2021 là 6.315.142.946 đồng.

(18.4.3) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021-HĐCVHM/NHCT906-CTF ngày 22/3/2021 với tổng hạn mức vay là 35 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2021 là 3.583.472.000 đồng.

(18.5) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh TP.HCM theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 5109/20/TĐ/I ngày 17/11/2020 với hạn mức tín dụng là 70 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2021 là 22.414.465.300 đồng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- + Hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh;
- + 2.760.000 cổ phiếu Công ty CP City Auto thuộc sở hữu của Ông Trần Ngọc Dân theo Hợp đồng cầm cố số 2288/19/BL/I ngày 17/9/2019 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số SDBS.01-2288/19/BL/I ngày 17/11/2020.
- + 10 Quyền sử dụng đất tại xã Nghi Hưng, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An thuộc sở hữu của Công ty CP Golf biển Cửa Lò chi tiết theo 10 Hợp đồng thế chấp từ số 2288A đến số 2288I/19/BL/I.

(18.6) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số LAV200119929/1403 ngày 12/11/2020 với tổng hạn mức vay là 50 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản, bao gồm các xe ô tô Ford mới 100% thuộc sở hữu của bên vay. Khoản vay này do Công ty CP Phú Mỹ vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2021 là 9.673.431.470

(18.7) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo các hợp đồng:

(18.7.1) Hợp đồng hạn mức số EPL/20059 ngày 17/11/2020 với tổng hạn mức vay là 75 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 06 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là:

- + Bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 40, địa chỉ số 124/9D Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- + Bất động sản tọa lạc tại căn hộ chung cư số L2-11.07, tòa nhà Landmark 2, khu phức hợp Tân Cảng Sài Gòn, số 720A Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh;
- + Các biện pháp đảm bảo tài sản khác theo thỏa thuận.

Khoản vay này do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2021 là 57.680.614.420 đồng.

(18.7.2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 296/2020/HDHM/VPB/CMB-ATC ngày 14/9/2020. Hạn mức tín dụng là 95 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2021 là 26.459.067.300 đồng.

(18.7.3) Hợp đồng tín dụng hạn mức số TDC/20067 ngày 02/10/2020. Hạn mức tín dụng là 80 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Bình Phước vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2021 của khoản vay này là 710.770.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

(18.8) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng sau:

(18.8.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2020/4528578/HDTD ngày 13/10/2020 với tổng hạn mức vay là 50 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 06 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe ô tô Ford mới 100% hình thành từ vốn vay mua từ Công ty TNHH Ford Việt Nam. Khoản vay này do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2021 là 27.055.588.363 đồng.

(18.8.2) Hợp đồng tín dụng số 90/2021/11402179/HDTD ngày 22/6/2021 với tổng hạn mức vay là 300 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa là xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100%. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2021 là 144.469.785.580 đồng.

(18.8.3) Hợp đồng tín dụng số 01/2020/8943817/HDTD ngày 27/8/2020. Hạn mức tín dụng 400 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2021 là 64.271.664.601 đồng.

(18.9) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quốc tế theo hợp đồng tín dụng số 2008106.20 ngày 17/8/2020. Hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2021 của khoản vay này là 15.426.008.500 đồng.

(18.10) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - chi nhánh Nha Trang theo hợp đồng tín dụng số 235/2020/TPB-NTG ngày 26/5/2020 với hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cho vay không quá 04 tháng. Lãi suất vay chi tiết theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: xe ô tô hiệu Ford có sẵn trong kho mới 100%, xe ô tô hiệu Ford hình thành từ vốn vay. Khoản vay này do Công ty CP ô tô Nha Trang vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2021 là 1.554.300.000 đồng.

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
19. Quỹ khen thưởng phúc lợi		
Số dư đầu năm	3.338.713.588	3.662.376.588
Tăng do trích quỹ	148.725.149	-
Giảm do chi quỹ	(146.642.160)	(290.940.000)
Số dư cuối kỳ	3.340.796.577	3.371.436.588

20. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2020	Tăng	Giảm	30/6/2020
- Vốn góp của chủ sở hữu	455.399.680.000	-	-	455.399.680.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	4.351.560.692	16.122.068	-	4.367.682.760
- Quỹ khác	1.199.078.892	16.122.069	-	1.215.200.961
- LNST chưa phân phối	43.217.049.102	1.631.348.352	407.609	44.847.989.845
Cộng	504.167.368.686	1.663.592.489	407.609	505.830.553.566

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN DỘ

MẪU B09a - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

	01/01/2021	Tăng	Giảm	30/6/2021
- Vốn góp của chủ sở hữu	455.399.680.000	227.600.320.000	-	683.000.000.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	4.367.682.760	-	-	4.367.682.760
- Quỹ khác	1.215.200.961	-	-	1.215.200.961
- LNST chưa phân phối	44.543.995.817	15.664.610.989	148.725.149	60.059.881.657
Cộng	505.526.559.538	243.264.930.989	148.725.149	748.642.765.378
			6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
b) Lợi nhuận chưa phân phối				
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm			44.543.995.817	43.217.049.102
- Lợi nhuận phát sinh trong kỳ			15.664.610.989	1.306.788.592
- Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi			(148.725.149)	-
- Lợi nhuận tăng (giảm) từ thoái vốn tại Công ty con			-	324.559.760
- Tăng/(giảm) khác			-	(407.609)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ			60.059.881.657	44.847.989.845
c) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 13 ngày 04/3/2021 là 683.000.000.000 đồng tương đương 68.300.000 Cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phiếu.				
Cổ phiếu			Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành			68.300.000	45.539.968
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng			68.300.000	45.539.968
+ Cổ phiếu phổ thông			68.300.000	45.539.968
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)			-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành			68.300.000	45.539.968
+ Cổ phiếu phổ thông			68.300.000	45.539.968
<i>* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i>			<i>10.000 đồng/cp</i>	<i>10.000 đồng/cp</i>
21. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát			Số cuối kỳ	Số đầu năm
+ Vốn góp của cổ đông không kiểm soát			26.402.000.000	25.902.000.000
+ Lợi nhuận chia cho cổ đông không kiểm soát			1.530.817.328	1.726.930.734
+ Chi cổ tức cho cổ đông không kiểm soát			(299.382.000)	(630.234.352)
+ Chuyển lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát sang lợi nhuận công ty mẹ do chuyển nhượng cổ phần			-	(324.559.760)
+ Trích lập các quỹ			132.510.794	132.510.794
Cộng			27.765.946.122	26.806.647.416
22. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán			Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nợ khó đòi đã xử lý			5.356.110.813	5.356.110.813

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu B09a - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hoá	2.371.060.215.655	2.011.845.721.838
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	151.327.906.018	139.623.797.015
Cộng	2.522.388.121.673	2.151.469.518.853
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	24.998.006.668	40.703.839.928
Cộng doanh thu thuần	2.497.390.115.005	2.110.765.678.925
Chi tiết doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán xe	2.307.087.049.869	1.948.563.450.527
Doanh thu bán phụ tùng	38.975.159.118	22.578.431.383
Doanh thu cung cấp dịch vụ	133.414.758.327	131.133.778.559
Doanh thu khác	17.913.147.691	8.490.018.456
Cộng	2.497.390.115.005	2.110.765.678.925
2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Giá vốn xe đã bán	2.222.451.457.071	1.899.553.019.842
- Giá vốn hàng hóa đã bán	31.300.895.892	16.053.998.546
- Giá vốn dịch vụ cung cấp	75.246.473.124	78.962.203.912
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (hoàn nhập)	-	(825.814.245)
Cộng	2.328.998.826.087	1.993.743.408.055
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi ngân hàng	21.146.038	26.562.596
- Chiết khấu thanh toán được hưởng	256.030.721	196.132.335
- Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	-	42.000.000.000
- Lãi từ việc đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư	-	295.106.214
- Lãi từ khoản ký quỹ	12.382.063.548	6.709.626.334
Cộng	12.659.240.307	49.227.427.479
4. Chi phí tài chính		
- Chi phí lãi vay	22.457.058.676	25.280.227.627
Cộng	22.457.058.676	25.280.227.627

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VND

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
5. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên	44.640.349.406	34.814.481.915
- Chi phí khấu hao TSCĐ	4.573.502.629	3.188.274.483
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.671.325.673	19.125.965.344
- Chi phí bằng tiền khác	21.909.415.965	24.158.985.106
Cộng	91.794.593.673	81.287.706.848
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	17.674.189.967	14.869.978.114
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.833.552.146	2.885.285.258
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.022.437.360	3.055.616.400
- Lợi thế thương mại phân bổ	4.858.210.418	4.858.210.418
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.334.657.269	20.328.367.532
- Chi phí bằng tiền khác	5.288.136.311	3.743.889.077
Cộng	50.011.183.471	49.741.346.799
7. Thu nhập khác		
- Lãi từ việc thanh lý tài sản cố định	640.503.816	590.502.132
- Thu hỗ trợ chi phí tổ chức sự kiện, hỗ trợ bán hàng từ nhà cung cấp	2.998.482.876	215.483.637
- Xử lý công nợ lâu năm	4.026.030.612	-
- Thu nhập khác	1.385.754.424	1.171.612.493
Cộng	9.050.771.728	1.977.598.262
8. Chi phí khác		
- Chi phí phạt nộp chậm thuế	2.577.261.942	272.089.125
- Chi phí khác	756.392.137	1.064.535.502
Cộng	3.333.654.079	1.336.624.627
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP City Auto	665.808.184	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP ô tô Phú Mỹ	1.362.431.310	573.477.798
- Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP ô tô Nha Trang	578.358.634	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP Auto Trường Chinh	-	6.683.289.389
- Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP Auto Bình Phước	603.089.375	-
Cộng	3.209.687.503	7.256.767.187

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp, trong đó:	16.427.085.379	783.193.970
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	762.474.390	(523.594.622)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	15.664.610.989	1.306.788.592
Lợi nhuận dùng trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	15.664.610.989	1.306.788.592
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	64.000.883	45.539.968
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	245	29
	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.664.610.989	1.306.788.592
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	64.000.883	45.539.968
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	245	29
	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	2.325.715.868.007	1.984.646.466.198
- Chi phí nhân công	66.705.749.186	49.684.460.029
- Chi phí khấu hao	8.450.251.208	6.835.024.910
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.123.802.942	51.174.350.306
- Chi phí khác	31.808.931.888	32.432.160.259
Cộng	2.470.804.603.231	2.124.772.461.702

VII. Những thông tin khác**1. Thông tin về các bên liên quan****a/ Các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, và Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt
Công ty CP Truck & Bus Trường Chinh	Công ty liên kết của Công ty CP Auto Trường Chinh
Công ty CP New City Rent A Car	Đầu tư dài hạn khác
Công ty Cổ phần Easy Car	Đầu tư dài hạn khác
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃU B09a - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

b/ Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Các giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2021 như sau:

1. Bên liên quan là pháp nhân

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP Truck & Bus Trường Chinh	Công ty liên kết	Bán hàng hóa và dịch vụ	42.427.668.187
		Mua hàng hóa và dịch vụ	24.146.727.269
		Góp vốn	16.500.000.000
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Bên liên quan	Bán hàng hóa và dịch vụ	204.121.472.284
		Mua hàng hóa	184.655.378.692
		Nhận dịch vụ cung cấp	9.503.012.159
		Cung cấp dịch vụ	2.153.677.845

2. Bên liên quan là các thành viên quản lý

Bên liên quan	Nội dung	Số tiền
Ông Trần Ngọc Dân	Thù lao Hội đồng quản trị	90.000.000
Ông Trần Lâm	Thù lao Hội đồng quản trị	30.000.000
Ông Nguyễn Đăng Hoàng	Thù lao Hội đồng quản trị	30.000.000
Ông Lê Minh Tâm	Thù lao Hội đồng quản trị	30.000.000
Ông Trần Trung Chánh	Thù lao Hội đồng quản trị	30.000.000
Bà Lê Thị Thương Thương	Thù lao Ban Kiểm soát	18.000.000
Bà Phạm Thị Mỹ Dung	Thù lao Ban Kiểm soát	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Tâm	Thù lao Ban Kiểm soát	18.000.000
Ông Trần Trung Chánh	Lương của Ban Tổng Giám đốc	255.263.000
Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	Lương của Ban Tổng Giám đốc	518.990.000
Ông Trần Ngọc Dân	Lương của Chủ tịch HĐQT	162.000.000

Số dư phải thu/ (phải trả) đối với các bên liên quan đến ngày kết thúc kỳ tài chính:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số tiền	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Trần Ngọc Dân	Chủ tịch HĐQT	(109.339.623)	(358.919.623)
Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	(1.807.655.887)	(2.243.367.810)
Công ty CP Truck & Bus Trường Chinh	Công ty liên kết	8.782.600.430	1.064.247.763
		(200.000.000)	(4.276.864.000)

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, doanh nghiệp không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Không có bất kỳ yếu tố nào làm ảnh hưởng tới tính hoạt động liên tục của đơn vị cần phải giải thích.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VND

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) soát xét cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020.

4. Thông tin về Báo cáo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh: bộ phận kinh doanh xe, bộ phận dịch vụ sửa chữa, bộ phận kinh doanh phụ tùng, phụ kiện.

a. Báo cáo bộ phận 6 tháng đầu năm 2021

Chỉ tiêu	Kinh doanh xe	Dịch vụ sửa chữa	Kinh doanh phụ tùng	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	2.307.087.049.869	133.414.758.327	56.888.306.809	2.497.390.115.005
2. Giá vốn hàng bán	2.222.451.457.071	75.246.473.124	31.300.895.892	2.328.998.826.087
3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	84.635.592.798	58.168.285.203	25.587.410.917	168.391.288.918
4. Tài sản bộ phận				-
5. Tài sản không phân bổ				1.870.846.220.466
Tổng tài sản				1.870.846.220.466
6. Nợ phải trả bộ phận				-
7. Nợ phải trả không phân bổ				1.094.437.508.966
Tổng nợ phải trả				1.094.437.508.966

b. Báo cáo bộ phận 6 tháng đầu năm 2020

Chỉ tiêu	Kinh doanh xe	Dịch vụ sửa chữa	Kinh doanh phụ tùng	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	1.948.563.450.527	131.133.778.559	31.068.449.839	2.110.765.678.925
2. Giá vốn hàng bán	1.899.553.019.842	78.962.203.912	16.053.998.546	1.994.569.222.300
3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	49.010.430.685	52.171.574.647	15.014.451.293	116.196.456.625
4. Tài sản bộ phận				-
5. Tài sản không phân bổ				1.478.147.133.314
Tổng tài sản				1.478.147.133.314
6. Nợ phải trả bộ phận				-
7. Nợ phải trả không phân bổ				946.461.148.574
Tổng nợ phải trả				946.461.148.574

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VND

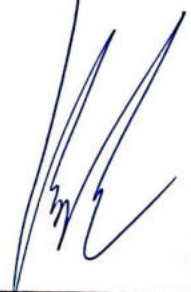
5. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty đang thực hiện các thủ tục phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 nhằm tăng vốn điều lệ, theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 32/2021/NQ-ĐHĐCĐ-CTF ngày 26/6/2021. Theo đó, tỷ lệ trả cổ tức năm 2019 tạm tính là 6% vốn điều lệ, tương ứng là 40.980.000.000 đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



Trương Thị Hồng Vân
Người lập biểu
Ngày 05 tháng 8 năm 2021



Lê Thị Phú
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Dân
Người đại diện theo pháp luật